TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO LÀM VIỆC TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT THĂNG LONG NĂM 2026

Số: 2709 /QĐ-HĐTDVC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi vòng 1, kỳ thi tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO LÀM VIỆC TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT THĂNG LONG NĂM 2026

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Thông tư 01/2026/TT-BGDĐT ngày 20/01/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 24/2026/TT-BNV ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ Nội vụ Ban hành Nội quy và Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 151/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3114/QĐ-SGDĐT ngày 27/8/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc uỷ quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thực hiện thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo và nhân viên đối với Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long thuộc thẩm quyền quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHTĐHN ngày 05/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 1958/QĐ-ĐHTĐHN ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026.

Căn cứ kết quả dự thi vòng 1, kỳ thi tuyển dụng viên chức làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi vòng 1, kỳ thi tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026. Cụ thể:

1. Tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi: 158 người.

2. Tổng số thí sinh tham gia thi: 151 người.

3. Tổng số thí sinh đủ điều kiện thi vòng 2: 142 người

(Có danh sách thí sinh và kết quả thi vòng 1 kèm theo)

Điều 2. Giao Hội tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026 và các Ban, bộ phận giúp việc cho Hội đồng tổ chức thi vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành đối với 142 thí sinh đủ điều kiện thi vòng 2 tại Điều 1 theo đúng quy định.

Điều 3. Hội đồng tuyển dụng viên chức; Các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám sát;
- Website Trường;
- Lưu: VT, HĐTD.

TM. HỘI ĐỒNG TD VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Quốc Hoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO LÀM VIỆC TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT THĂNG LONG NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ
VÒNG 1, KỲ THI TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO LÀM VIỆC TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT THĂNG LONG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 2209 /QĐ-HĐTDVC ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Bài thi Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Bài thi Ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển			
1	HNMU001	Chử Hạnh An	11/08/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	50/60	25/30	
2	HNMU002	Nguyễn Hà Anh	08/10/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	49/60	Miễn thi	
3	HNMU003	Nguyễn Phương Anh	25/11/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	53/60	Miễn thi	
4	HNMU004	Lê Quỳnh Anh	15/02/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	47/60	Miễn thi	
5	HNMU006	Đỗ Vân Anh	22/02/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	43/60	Miễn thi	
6	HNMU007	Bùi Việt Anh	25/07/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	45/60	26/30	
7	HNMU008	Nguyễn Kiều Ánh	02/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	51/60	Miễn thi	
8	HNMU009	Trương Thị Ngọc Ánh	16/09/2000	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	36/60	Miễn thi	
9	HNMU011	Bùi Thùy Dung	04/6/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	45/60	Miễn thi	
10	HNMU012	Hoàng Thị Duyên	26/01/2000	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	51/60	19/30	
11	HNMU013	Đỗ Thị Thùy Ánh Dương	07/05/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	49/60	Miễn thi	
12	HNMU015	Nguyễn Hải Đăng	18/10/2001	Nam	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	48/60	Miễn thi	
13	HNMU016	Phạm Minh Đức	15/05/1997	Nam	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	53/60	Miễn thi	
14	HNMU017	Đinh Ngọc Hà	28/09/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	54/60	Miễn thi	
15	HNMU018	Nguyễn Thị Mỹ Hà	14/10/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	47/60	26/30	
16	HNMU019	Dương Việt Hà	15/07/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	47/60	Miễn thi	
17	HNMU020	Đỗ Thu Hải	02/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	44/60	27/30	
18	HNMU021	Trương Bích Hạnh	07/12/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	44/60	Miễn thi	
19	HNMU022	Tạ Minh Hạnh	10/08/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	47/60	21/30	
20	HNMU023	Vũ Thị Minh Hảo	30/07/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	40/60	Miễn thi	
21	HNMU024	Lương Thị Hằng	01/02/1993	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	46/60	Miễn thi	
22	HNMU025	Bùi Thị Thu Hằng	12/03/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
23	HNMU026	Đoàn Minh Hiền	26/8/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	41/60	9/30	Không điều kiện dự thi vòng 2
24	HNMU027	Phạm Thúy Hiền	13/09/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	31/60	Miễn thi	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Bài thi Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Bài thi Ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển			
25	HNMU028	Nguyễn Thị Hoa	12/12/1992	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	42/60	Miễn thi	
26	HNMU029	Nguyễn Khánh Huyền	27/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	50/60	Miễn thi	
27	HNMU030	Đồng Minh Huyền	03/05/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	51/60	Miễn thi	
28	HNMU031	Cao Thanh Huyền	13/7/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	53/60	Miễn thi	
29	HNMU032	Nguyễn Thanh Huyền	11/07/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	39/60	Miễn thi	
30	HNMU033	Quang Thị Thanh Huyền	17/03/1997	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	49/60	Miễn thi	
31	HNMU034	Nguyễn Thị Thu Hương	18/9/1997	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	45/60	15/30	
32	HNMU036	Nguyễn Thu Hương	03/11/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	47/60	Miễn thi	
33	HNMU039	Trần Thu Hương	04/11/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	51/60	Miễn thi	
34	HNMU041	Nguyễn Diệu Linh	29/11/1989	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	44/60	25/30	
35	HNMU042	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/02/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	50/60	Miễn thi	
36	HNMU044	Lê Thị Phương Mai	01/11/1996	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	46/60	25/30	
37	HNMU045	Đinh Trà My	02/01/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	50/60	Miễn thi	
38	HNMU046	Quách Trà My	23/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	49/60	19/30	
39	HNMU048	Nguyễn Thu Ngân	11/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	52/60	Miễn thi	
40	HNMU049	Hoàng Thị Hồng Ngọc	24/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	49/60	Miễn thi	
41	HNMU050	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/03/1993	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	45/60	19/30	
42	HNMU052	Đàm Thị Hồng Nhung	11/01/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	47/60	10/30	Không điều kiện dự thi vòng 2
43	HNMU054	Dương Thị Bích Phượng	28/07/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	33/60	Miễn thi	
44	HNMU055	Nguyễn Thị Phượng	15/03/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	43/60	Miễn thi	
45	HNMU056	Bùi Thúy Phượng	19/01/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	49/60	Miễn thi	
46	HNMU057	Nguyễn Thị Lệ Quyên	24/08/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	39/60	Miễn thi	
47	HNMU058	Ngô Phương Quỳnh	03/06/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	50/60	Miễn thi	
48	HNMU060	Lê Thị Thanh Thảo	06/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	50/60	Miễn thi	
49	HNMU061	Nguyễn Thanh Thúy	02/01/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	52/60	Miễn thi	
50	HNMU062	Hà Thị Minh Thúy	27/11/1996	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	46/60	Miễn thi	
51	HNMU065	Đào Anh Thư	24/12/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	51/60	Miễn thi	
52	HNMU067	Ngô Thủy Tiên	03/06/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	49/60	Miễn thi	
53	HNMU068	Nguyễn Thu Trang	11/3/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	50/60	Miễn thi	
54	HNMU069	Đỗ Thị Tuyến	04/09/1993	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	34/60	Miễn thi	
55	HNMU072	Trần Hải Yến	26/12/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	49/60	Miễn thi	
56	HNMU073	Đỗ Ngọc Bách	02/01/1997	Nam	Giáo viên Tiểu học	Giáo dục thể chất	40/60	15/30	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Bài thi Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Bài thi Ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển			
57	HNMU074	Dư Đình Đại	15/11/1999	Nam	Giáo viên Tiểu học	Giáo dục thể chất	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
58	HNMU075	Nguyễn Nhật Minh	18/07/2004	Nam	Giáo viên Tiểu học	Giáo dục thể chất	38/60	17/30	
59	HNMU076	Đỗ Thu Trang	01/06/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo dục thể chất	44/60	Miễn thi	
60	HNMU077	Nguyễn Thị Huyền Anh	31/10/2001	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	42/60	12/30	Không điều kiện dự thi vòng 2
61	HNMU078	Nguyễn Thu Cúc	02/11/1996	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	45/60	14/30	Không điều kiện dự thi vòng 2
62	HNMU079	Thái Thị Mỹ Duyên	10/6/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	49/60	Miễn thi	
63	HNMU080	Nguyễn Thị Thu Hà	24/07/1993	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	48/60	Miễn thi	
64	HNMU083	Lê Thu Huyền	07/3/1997	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	44/60	Miễn thi	
65	HNMU085	Dương Thu Hương	30/06/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	47/60	27/30	
66	HNMU087	Phùng Hải Lan	06/10/1994	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	28/60	Bỏ thi	Không điều kiện dự thi vòng 2
67	HNMU090	Nguyễn Thị Diệu Ly	23/07/1999	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	49/60	Miễn thi	
68	HNMU091	Đào Trà My	07/12/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	45/60	Miễn thi	
69	HNMU092	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/10/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	48/60	Miễn thi	
70	HNMU093	Nguyễn Thị Phượng	20/08/1990	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	42/60	Miễn thi	
71	HNMU094	Nguyễn Như Quỳnh	05/01/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	45/60	Miễn thi	
72	HNMU095	Nguyễn Phương Thảo	18/12/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	44/60	25/30	
73	HNMU096	Từ Thị Minh Thời	03/8/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	45/60	12/30	Không điều kiện dự thi vòng 2
74	HNMU097	Nguyễn Thị Thùy	22/06/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	51/60	Miễn thi	
75	HNMU099	Nguyễn Huyền Trang	04/4/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	42/60	Miễn thi	
76	HNMU101	Đào Thị Thanh Xuân	06/11/1996	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	46/60	21/30	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Bài thi Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Bài thi Ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển			
77	HNMU102	Phạm Phương Anh	21/04/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	52/60	Miễn thi	
78	HNMU105	Nguyễn Văn Đức	10/5/1996	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	53/60	23/30	
79	HNMU106	Nguyễn Hương Giang	14/10/2001	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	48/60	16/30	
80	HNMU108	Phạm Thu Hà	17/09/1992	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	51/60	Miễn thi	
81	HNMU109	Bùi Thị Mỹ Hằng	12/11/1997	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	46/60	22/30	
82	HNMU112	Vũ Ngọc Huyền	22/05/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	45/60	Miễn thi	
83	HNMU113	Đào Tiến Khanh	19/07/1997	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	49/60	Miễn thi	
84	HNMU114	Kiều Diễm Lan	10/12/1998	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	49/60	15/30	
85	HNMU115	Nguyễn Diệu Linh	23/12/1997	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	45/60	13/30	Không điều kiện dự thi vòng 2
86	HNMU117	Đinh Thị Hương Mai	01/05/1992	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	42/60	22/30	
87	HNMU118	Trịnh Hồng Ngọc	17/12/2004	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	43/60	Miễn thi	
88	HNMU119	Đỗ Thị Nhàn	21/07/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	45/60	Miễn thi	
89	HNMU120	Trương Thúy Oanh	13/02/1998	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Bỏ thi	Miễn thi	Bỏ thi
90	HNMU122	Nguyễn Xuân Quyền	24/10/2000	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	51/60	Miễn thi	
91	HNMU123	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	26/08/1991	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	43/60	Miễn thi	
92	HNMU124	Nguyễn Thị Minh Tâm	28/03/1998	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	43/60	14/30	Không điều kiện dự thi vòng 2
93	HNMU126	Mai Thanh Thảo	11/5/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	48/60	Miễn thi	
94	HNMU127	Lê Thị Phương Thảo	24/8/1989	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	47/60	18/30	
95	HNMU129	Đào Thị Hồng Thắm	27/03/1996	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Bài thi Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Bài thi Ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển			
96	HNMU130	Nguyễn Hà Trang	01/12/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Bỏ thi	Miễn thi	Bỏ thi
97	HNMU133	Bùi Thị Yến	27/03/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	49/60	Miễn thi	
98	HNMU134	Trịnh Hải An	02/3/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	51/60	Miễn thi	
99	HNMU137	Lê Thị Duyên	14/12/1992	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Bỏ thi	Miễn thi	Bỏ thi
100	HNMU138	Hoàng Thu Hà	13/05/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	42/60	Miễn thi	
101	HNMU139	Phạm Ngọc Huyền	23/12/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	41/60	Miễn thi	
102	HNMU140	Đào Thị Hương	28/01/2001	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	49/60	Miễn thi	
103	HNMU141	Nguyễn Khánh Linh	19/04/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	49/60	Miễn thi	
104	HNMU142	Nhữ Khánh Linh	24/10/2001	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	40/60	Miễn thi	
105	HNMU144	Hà Thị Hương Ly	22/11/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	50/60	Miễn thi	
106	HNMU146	Nguyễn Thị Mai	02/4/1990	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	45/60	Miễn thi	
107	HNMU147	Nguyễn Thị Ngân	05/01/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	49/60	Miễn thi	
108	HNMU148	Phạm Thị Phúc	20/05/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	46/60	Miễn thi	
109	HNMU149	Ngô Hồng Phượng	15/08/1999	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	46/60	Miễn thi	
110	HNMU150	Nguyễn Thu Phương	25/07/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	51/60	Miễn thi	
111	HNMU152	Nguyễn Thu Thảo	02/12/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	42/60	Miễn thi	
112	HNMU156	Trần Thị Hương Tú	03/8/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	39/60	Miễn thi	
113	HNMU158	Nguyễn Thị Tuyết	16/04/1988	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Bỏ thi	Miễn thi	Bỏ thi
114	HNMU159	Phan Thị Yến	17/04/1998	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	49/60	Miễn thi	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Bài thi Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Bài thi Ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển			
115	HNMU160	Trần Thảo Anh	18/10/2004	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên	43/60	Miễn thi	
116	HNMU161	Vũ Thị Hạnh	28/03/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên	42/60	Miễn thi	
117	HNMU162	Nguyễn Khánh Linh	09/6/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên	41/60	15/30	
118	HNMU163	Bùi Minh Nguyệt	04/11/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên	48/60	Miễn thi	
119	HNMU164	Nguyễn Thị Thanh Thư	02/5/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên	45/60	Miễn thi	
120	HNMU166	Nguyễn Thị Thanh Hoa	23/02/2004	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Lịch sử và Địa lý	48/60	Miễn thi	
121	HNMU171	Nguyễn Thị Thúy	04/3/1994	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Lịch sử và Địa lý	35/60	14/30	Không điều kiện dự thi vòng 2
122	HNMU172	Phạm Minh Đức	23/06/2003	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Giáo dục Thể chất	45/60	Miễn thi	
123	HNMU173	Nguyễn Thị Hòa	27/07/1990	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Giáo dục Thể chất	40/60	26/30	
124	HNMU176	Lê Anh Quân	19/09/2000	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Giáo dục Thể chất	35/60	Miễn thi	
125	HNMU177	Hồ Huyền Trang	03/11/1993	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Giáo dục Thể chất	41/60	Miễn thi	
126	HNMU179	Lê Vương Tường An	13/11/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	54/60	Miễn thi	
127	HNMU180	Nguyễn Mạnh Trung Anh	23/01/2000	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	49/60	Miễn thi	
128	HNMU181	Trần Thị Ngọc Anh	26/12/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	50/60	24/30	
129	HNMU183	Đặng Thị Linh Chi	02/11/1997	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	52/60	Miễn thi	
130	HNMU184	Lê Minh Đức	25/7/2002	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	43/60	Miễn thi	
131	HNMU185	Trần Thị Ngọc Huyền	20/08/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	49/60	Miễn thi	
132	HNMU186	Trần Thị Mận	14/6/1989	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	44/60	Miễn thi	
133	HNMU187	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/01/1996	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	51/60	Miễn thi	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Bài thi Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Bài thi Ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển			
134	HNMU189	Trương Thanh Thúy	30/11/1999	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	48/60	Miễn thi	
135	HNMU193	Trần Văn Tùng	08/07/1998	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	42/60	16/30	
136	HNMU194	Trần Hải Yến	13/02/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	46/60	Miễn thi	
137	HNMU195	Nguyễn Châm Anh	13/08/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	39/60	Miễn thi	
138	HNMU199	Đỗ Thị Mai Chinh	07/5/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	41/60	Miễn thi	
139	HNMU200	Lê Thị Bạch Dương	15/11/2004	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	50/60	Miễn thi	
140	HNMU201	Đỗ Thu Dương	19/09/2004	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	47/60	26/30	
141	HNMU202	Nguyễn Minh Đức	25/12/2003	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	46/60	Miễn thi	
142	HNMU204	Lê Thị Hiền	20/09/1987	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	44/60	Miễn thi	
143	HNMU206	Lý Hương Linh	23/08/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	53/60	26/30	
144	HNMU207	Dương Khánh Linh	16/06/2004	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	41/60	Miễn thi	
145	HNMU208	Trần Khánh Linh	12/07/1994	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	46/60	Miễn thi	
146	HNMU209	Phạm Thùy Linh	23/03/1998	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	58/60	Miễn thi	
147	HNMU210	Nguyễn Kim Ngân	21/03/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	48/60	Miễn thi	
148	HNMU211	Vũ Thị Hà Phương	11/09/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	51/60	Miễn thi	
149	HNMU212	Nguyễn Mạnh Tuấn	18/08/2001	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	49/60	Miễn thi	
150	HNMU213	Vũ Tuấn Anh	08/01/2000	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	48/60	Miễn thi	
151	HNMU214	Lê Vân Anh	17/12/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	52/60	Miễn thi	
152	HNMU215	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1999	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	49/60	23/30	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Bài thi Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Bài thi Ngoại ngữ (Số câu trả lời đúng/Tổng số câu hỏi)	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển			
153	HNMU216	Lương Thị Thùy Dung	24/04/1985	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	51/60	26/30	
154	HNMU217	Nguyễn Nhị Hà	20/09/1992	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	42/60	Miễn thi	
155	HNMU218	Hoàng Thảo Hiền	21/05/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	41/60	Miễn thi	
156	HNMU220	Lê Ánh Linh	20/07/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	38/60	Miễn thi	
157	HNMU222	Trịnh Thị Kim Loan	06/12/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	49/60	28/30	
158	HNMU223	Hoàng Thu Trang	25/11/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	45/60	Miễn thi	

Danh sách gồm 158 thí sinh./.